

Bản án số: 01/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 18/02/2019

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Tòng Thị Tuyết

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Liêm

2. Ông Lê Thanh Bình

Thư ký phiên toà: Bà Khuất Thị Lan - Thư ký Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 96/2018/TLST-HNGĐ ngày 29/6/2018 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐST – HNGĐ ngày 28/12/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1989. Nơi ĐKKHKT: Bản Phiêng C, xã N, huyện S, tỉnh L. Chỗ ở hiện nay: Tổ 14, phường T, thành phố L, tỉnh L. *Có mặt*

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1989. Nơi ĐKNKTT: Tập thể Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh L, tổ 11, phường Đ, thành phố L, tỉnh L. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn và các lời khai tại Tòa án nhân dân thành phố L, chị Bùi Thị N là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Đặng Văn T kết hôn ngày 03/02/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh L, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống, anh Đặng Văn T không tin tưởng chị N, luôn nghi ngờ chị N có mối quan hệ với người khác nên xảy ra cãi vã, sống không có hạnh phúc. Mặc dù đã được gia đình hai bên động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện anh chị đã sống ly thân. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn T.

Về con chung: chị và anh Đặng Văn T có 01 con chung tên là Đặng Minh C, sinh ngày 03/01/2013. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, chị cam đoan sẽ đảm bảo mọi điều kiện của con.

Về tài sản: Chị và anh Đặng Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản khai và Biên bản hòa giải lần 1, bị đơn là anh Đặng Văn T trình bày: Anh nhất T với phần trình bày của chị Bùi Thị N về quá trình kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, luôn không có sự tin tưởng lẫn nhau nên hay cãi vã. Tuy nhiên mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng nay chị N làm đơn xin ly hôn anh không nhất T. Mong gia đình được đoàn tụ.

Về việc nuôi con: anh chị có một con chung là Đặng Minh Công, sinh ngày 03/01/2013. Nếu phải ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị N cấp dưỡng hàng tháng cho con.

Về tài sản: anh và chị Bùi Thị N tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại nơi công tác của chị Bùi Thị N và anh Đặng Văn T ở Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lai Châu thuộc tổ 11, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu thể hiện: Chị Bùi Thị N và anh Đặng Văn T vào nhận công tác tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lai Châu cùng ngày 15/01/2011. Đến năm 2012 thì anh chị kết hôn với nhau. Sau khi kết hôn anh chị sống tại khu tập thể Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lai Châu. Quá trình chung sống anh chị luôn sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2014 chị N đi học ở Đại học y Thái Bình, sau đó đến 2017 anh T cũng đi học ở cùng trường, được một thời gian thì chị N nộp đơn ly hôn ra tòa, lúc đó Cơ quan, Công đoàn cũng đã nhiều lần gặp gỡ và hòa giải để hai vợ chồng nói chuyện với nhau, động viên chị N rút đơn nhưng không có kết quả. Về mức lương hiện tại của chị Bùi Thị N là 5.337.941 đồng, còn lương của anh Đặng Văn T là 3.060.363 đồng.

Kết quả xác minh tại Trường mầm non Bình Minh: Cháu Đặng Minh C, sinh ngày 03/01/2013, có bố là Đặng Văn T và mẹ là Bùi Thị N. Từ tháng 9 năm 2018 cháu học lớp mẫu giáo lớn A1. Quá trình học tập, rèn luyện của cháu Đặng Minh Công tại trường đảm bảo theo quy định, việc đóng góp các khoản chi phí ở nhà trường đều đầy đủ. Cháu Minh C năng động, hoạt bát trong các hoạt động của lớp. Việc đưa đón cháu thì chị Bùi Thị N là người đưa đón thường xuyên. Về thể chất cháu Đặng Minh C khỏe mạnh, phát triển tốt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu có ý kiến về thủ tục tố tụng như sau: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán được phân công. Tiến hành thụ lý vụ án đúng trình tự, thủ tục và gửi thông báo thụ lý vụ án đúng thời hạn quy định; Xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; Thu thập chứng cứ

khách quan, công khai; Ra quyết định xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định; Việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo. Hội đồng xét xử đã xét xử vụ án đúng nguyên tắc, thành phần.

Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên hòa giải lần thứ 2, lần thứ 3 và tại phiên tòa không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 54, 56, 57, 68, 69, 70, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân & gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị N và anh Đặng Văn T. Về con chung: Giao cháu Đặng Minh C, sinh ngày 03/01/2013 cho chị Bùi Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: chị Bùi Thị N không đề nghị anh Đặng Văn T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: chị Bùi Thị N và anh Đặng Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết; Chị Bùi Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Bị đơn là anh Đặng Văn T trong vụ án, đã được Tòa án thông báo về phiên hòa giải và triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào **khoản 1 Điều 207** của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Ngày 22/01/2019 Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh Đặng Văn T vẫn vắng mặt không có lý do nên áp dụng khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 254 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ngày 03 tháng 02 năm 2012, chị Bùi Thị N và anh Đặng Văn T đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện S, tỉnh L trên cơ sở hai bên tự nguyện. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 đã nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Chị Bùi Thị N và anh Đặng Văn T đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không yêu thương, tôn trọng, quan

tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau vun vén hạnh phúc gia đình; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; không có tình nghĩa vợ chồng... Vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đến thời điểm này chị Bùi Thị N xác định không còn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đặng Văn T là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 54, 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2] Về con chung: chị Bùi Thị N và anh Đặng Văn T có 01 con chung tên là Đặng Minh C, sinh ngày 03/01/2013. Chị Bùi Thị N và anh Đặng Văn T đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tuy nhiên, việc giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo quyền được yêu thương, tôn trọng, chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, T tuệ, đạo đức trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Hiện nay anh Đặng Văn T đang đi học tại Đại học Y Thái Bình, mức thu nhập và quỹ thời gian đảm bảo việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đều có phần hạn chế hơn. Hơn nữa, cháu Đặng Minh C hiện nay do chị Bùi Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đều đảm bảo. Đối chiếu với các quy định tại các Điều 68,69, 70, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của chị Bùi Thị N về việc nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Bùi Thị N không yêu cầu anh Đặng Văn T cấp dưỡng cho cháu Đặng Minh C nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Anh Đặng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Chia tài sản: Chị Bùi Thị N và anh Đặng Văn T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[4]. Về án phí: chị Bùi Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, 147, điểm b khoản 1 Điều 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 54, 56, 57, 68, 69, 70, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân & gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Đặng Văn T.
2. Việc nuôi con: Chị Bùi Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đặng Minh C, sinh ngày 03/01/2013 cho đến khi cháu Đặng Minh C đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Bùi Thị N không yêu cầu anh Đặng Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đặng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Chia tài sản: Chị Bùi Thị N và anh Đặng Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn là chị Bùi Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số **AA/2010/00003373 ngày 29/6/2018** tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh L số tiền là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*). Xác nhận chị Bùi Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND TP. L;
- THADS TP.L;
- UBND xã N - S - L;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tòng Thị Tuyết

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI THẨM NHÂN DÂN